

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Di.

Ông Nguyễn Bá Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1973. (có mặt).

Địa chỉ: 1/9B1 tổ 3, ấp A, xã An N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- Bị đơn: Ông Lê Quốc T1, sinh năm: 1974. (vắng mặt).

Địa chỉ: 1/9B1 tổ 3, ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Quốc T1 chung sống với nhau vào năm 1996, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn, bà T và ông T1 tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 có người phụ nữ khác, bà T đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi, do đó bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay bà T không còn tình cảm với ông T1 nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là Lê Quốc B, sinh ngày: 25/11/1996 và Lê Nguyễn Anh T2, sinh ngày: 08/3/2001, hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với ông Lê Quốc T1 tại nơi ông T1 đang sinh sống là: 1/9B1 tổ 3, ấp A, xã N, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện Long Điền và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Có 02 người con chung là Lê Quốc B, sinh ngày: 25/11/1996 và Lê Nguyễn Anh T2, sinh ngày: 08/3/2001, hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xét đến; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc T1, ông T1 cư trú tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T1 theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Quốc T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Theo bà T thì vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 có người phụ nữ khác, bà T đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi, dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện nay bà T và ông T1 không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần mời bà T và ông T1 làm việc để hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, nhưng ông T1 không chấp hành, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để cho bà T ly hôn với ông T1.

[3] Về con chung: Bà T xác định bà T và ông T1 có 02 người con chung là: Lê Quốc B, sinh ngày: 25/11/1996 và Lê Nguyễn Anh T3, sinh ngày: 08/3/2001. Xét thấy, hiện nay cháu B và cháu T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Quốc T1.

2. Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 người con chung là: Lê Quốc B, sinh ngày: 25/11/1996 và Lê Nguyễn Anh T2, sinh ngày: 08/3/2001. Hiện nay cháu B và cháu T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xét đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004200 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà Tuyết đã nộp đủ. Ông Lê Quốc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2022), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND xã An Ngãi;
- TAND tỉnh BRVT;
- THADS H.Long Điền
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung